UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-BQL
(Dự thảo)

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

(Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025) và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ), căn cứ kết quả rà soát thực tiễn mạng lưới 50 khu công nghiệp đã thành lập và kết quả khảo sát 104 doanh nghiệp thứ cấp tại Báo cáo khảo sát, đánh giá hiện trạng phát triển khu công nghiệp thành phố Hải Phòng, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới và thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố. Kết quả cụ thể như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết diễn ra trong bối cảnh thành phố Hải Phòng bước vào giai đoạn tăng tốc chuyển đổi xanh và phát triển bền vững:

- Cụ thể hóa Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 23/01/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về chuyển đổi xanh, phát triển KCN sinh thái gắn với mục tiêu Net Zero 2050 và định hướng quy hoạch mạng lưới 50 KCN sau sắp xếp hợp nhất không gian phát triển theo Nghị quyết số 20-NQ/TU.

- Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, yêu cầu kiên quyết cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, đẩy mạnh phân quyền, phân cấp đi đôi với kiểm soát quyền lực và chuyển đổi số.

- Yêu cầu từ thị trường quốc tế: Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của Liên minh châu Âu chính thức áp dụng nghĩa vụ tài chính từ ngày 01/01/2026, cùng Chỉ thị về thẩm định chuỗi cung ứng bền vững (CSDDD) đòi hỏi các doanh nghiệp xuất khẩu trong các KCN Hải Phòng phải khẩn trương kiểm kê phát thải khí nhà kính (KNK), kiểm toán năng lượng và minh bạch hóa dữ liệu phát thải.

- Kết quả khảo sát thực tế tại Chương II, Báo cáo khảo sát, đánh giá hiện trạng phát triển khu công nghiệp (khảo sát trực tiếp các doanh nghiệp thứ cấp và các chủ đầu tư hạ tầng KCN) cho thấy: 82% doanh nghiệp coi "chi phí vốn đầu tư và thiếu cơ chế hỗ trợ tài chính ban đầu" là rào cản lớn nhất; 76% doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình tuân thủ thủ tục hành chính, kéo dài nếu phải nộp hồ sơ qua nhiều sở, ngành riêng lẻ. Do đó, cần tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo hướng tập trung đầu mối, trên môi trường điện tử.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

- Mục đích: Đánh giá sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của các thủ tục hành chính dự kiến phát sinh; làm rõ trách nhiệm của các cơ quan tổ chức thực hiện; xem xét khả năng ứng dụng công nghệ, chia sẻ dữ liệu và giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Yêu cầu:

Nội dung đánh giá phải bám sát dự thảo Nghị quyết và có căn cứ kiểm chứng; phân biệt việc phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện với việc phân quyền, phân cấp; xác định rõ những nội dung cần tiếp tục hoàn thiện về hồ sơ, trình tự, thẩm quyền, thời hạn giải quyết và chi phí tuân thủ.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính

1.1. Số lượng và tên thủ tục hành chính phát sinh

Các chính sách hỗ trợ kinh phí lập hồ sơ chứng nhận, hỗ trợ lãi suất và hỗ trợ liên kết cộng sinh công nghiệp trong dự thảo cần có quy trình tiếp nhận, thẩm định, quyết định hỗ trợ và thanh toán kinh phí. Dự thảo Nghị quyết không trực tiếp quy định thủ tục hành chính: khoản 1 Điều 6 giao Ủy ban nhân dân thành phố quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, hình thức hỗ trợ (tương tự cách phân công tại điểm b khoản 3 và điểm c khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15); điểm b khoản 4 Điều 4 giao Ủy ban nhân dân thành phố quy định trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép thử nghiệm có kiểm soát theo điểm d khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15. Dự kiến các thủ tục hành chính do Ủy ban nhân dân thành phố quy định gồm: (1) hỗ trợ kinh phí lập hồ sơ chứng nhận KCN sinh thái, doanh nghiệp sinh thái; (2) hỗ trợ lãi suất vốn vay; (3) hỗ trợ liên kết cộng sinh công nghiệp; (4) đăng ký, thẩm định, cấp phép thử nghiệm có kiểm soát.

Khi xây dựng quyết định quy định trình tự, thủ tục, Ủy ban nhân dân thành phố (cơ quan chủ trì soạn thảo: Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng) có trách nhiệm xác định đầy đủ đối tượng thực hiện, thành phần hồ sơ, trình tự, cơ quan giải quyết, thời hạn và kết quả giải quyết; đánh giá tác động thủ tục hành chính theo quy định; đồng thời đánh giá khả năng phối hợp xử lý hồ sơ giữa các cơ quan có liên quan.

1.2. Tính cần thiết, hợp lý và hợp pháp

Việc quy định trình tự giải quyết hồ sơ hỗ trợ là cần thiết để xác định đúng đối tượng, điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ, bảo đảm quản lý, sử dụng kinh phí công khai, minh bạch và không hỗ trợ trùng lặp.

Thành phần hồ sơ phải phù hợp với từng chính sách, giới hạn ở những tài liệu cần thiết để chứng minh điều kiện hưởng hỗ trợ và căn cứ thanh toán. Ưu tiên khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã có và đủ điều kiện sử dụng theo quy định, hạn chế yêu cầu doanh nghiệp cung cấp nhiều lần cùng một thông tin.

Thẩm quyền quy định trình tự, thủ tục được giao Ủy ban nhân dân thành phố tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết. Việc tổ chức tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông phải phù hợp với thẩm quyền giải quyết của từng cơ quan.

1.3. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Chi phí tuân thủ dự kiến gồm thời gian và chi phí chuẩn bị, nộp, bổ sung hồ sơ, nhận kết quả và thực hiện các yêu cầu liên quan đến việc đề nghị hỗ trợ. Hiện chưa có đủ dữ liệu về thành phần hồ sơ, số lần thực hiện, thời gian xử lý và số lượng đối tượng thực hiện để lượng hóa chi phí hoặc xác định tỷ lệ cắt giảm.

Việc tính toán chi phí tuân thủ và so sánh các phương án giải quyết được bổ sung sau khi hoàn thiện nội dung từng thủ tục.

1.4. Đề xuất phương án đơn giản hóa và số hóa

Đề xuất chuẩn hóa biểu mẫu, công khai điều kiện hỗ trợ, thành phần hồ sơ, cơ quan tiếp nhận và thời hạn giải quyết; tổ chức tiếp nhận, theo dõi và trả kết quả trên môi trường điện tử phù hợp với điều kiện triển khai thực tế.

Tăng cường sử dụng chữ ký số, hồ sơ điện tử và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan liên quan. Dữ liệu từ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đo đạc, báo cáo, thẩm tra phát thải được sử dụng để hỗ trợ kiểm tra, đối chiếu; việc thẩm định, quyết định hỗ trợ và thanh toán kinh phí vẫn phải đáp ứng các yêu cầu của pháp luật.

2. Đánh giá việc phân quyền, phân cấp và thực hiện quyền hạn được phân cấp

Dự thảo Nghị quyết không thực hiện phân quyền, phân cấp mới; nội dung chủ yếu là giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện cho Ủy ban nhân dân thành phố và phân công cơ quan đầu mối, phù hợp chức năng, nhiệm vụ theo quy định hiện hành, cụ thể:

STT	QUY ĐỊNH TẠI VĂN BẢN TRUNG ƯƠNG	NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	VĂN BẢN ÁP DỤNG THỰC HIỆN
1	Điều 67 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP: Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghiệp, khu kinh tế; tổ chức cung ứng dịch	Khoản 2 Điều 6: Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng là cơ quan đầu mối, chủ trì hướng dẫn, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo dõi, giám sát KCN sinh thái, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với	Quyết định của UBND thành phố phân công nhiệm vụ; quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan; văn bản hướng dẫn tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo thẩm

STT	QUY ĐỊNH TẠI VĂN BẢN TRUNG ƯƠNG	NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	VĂN BẢN ÁP DỤNG THỰC HIỆN
	vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh trong công tác quản lý.	hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường của thành phố. Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, quản lý kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	quyền.
2	Điều 31 và Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15: HĐND quyết định dự toán, phân bổ ngân sách và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. UBND lập, trình dự toán, phương án phân bổ và quyết toán; giao dự toán, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc chấp hành ngân sách.	Điều 5 và khoản 1 Điều 6: Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách thành phố theo phân cấp ngân sách, trong dự toán chi sự nghiệp kinh tế, chi sự nghiệp bảo vệ môi trường hằng năm, phù hợp khả năng cân đối. UBND thành phố trình bố trí kinh phí theo quy định. Việc hỗ trợ bảo đảm đúng đối tượng, đúng nội dung, không trùng lặp; thanh toán, quyết toán căn cứ hồ sơ, chứng từ hợp lệ, kết quả nghiệm thu và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Nghị quyết của HĐND thành phố về dự toán, phân bổ ngân sách; quyết định của UBND thành phố giao dự toán; văn bản hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí theo thẩm quyền.
3	Điều 5 và Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15: HĐND giám sát việc tuân theo pháp luật và hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương. UBND tổ chức thi hành pháp	Khoản 1 và khoản 3 Điều 6: UBND thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết; phân công cơ quan đầu mối và cơ quan phối hợp; tổ chức kiểm tra, đánh giá; hằng năm báo cáo HĐND thành phố về kết quả thực hiện và tổ chức tổng kết trước khi hết thời gian áp	Kế hoạch triển khai Nghị quyết và văn bản phân công nhiệm vụ của UBND thành phố; chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết.

STT	QUY ĐỊNH TẠI VĂN BẢN TRUNG ƯƠNG	NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	VĂN BẢN ÁP DỤNG THỰC HIỆN
	luật, nghị quyết của HĐND và chịu trách nhiệm trước HĐND cùng cấp.	dụng Nghị quyết. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	
4	Khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15: Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc thử nghiệm có kiểm soát; quy định tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép thử nghiệm; Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định phạm vi miễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với từng dự án thử nghiệm.	Khoản 4 Điều 4: Xác định các mô hình được xem xét thử nghiệm; Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thử nghiệm và quy định trình tự, thủ tục; Hội đồng nhân dân thành phố quyết định phạm vi miễn áp dụng pháp luật đối với từng dự án theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố.	Quyết định của UBND thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục thử nghiệm có kiểm soát; Nghị quyết của HĐND thành phố về phạm vi miễn áp dụng pháp luật đối với từng dự án.

3. Đánh giá việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Ứng dụng công nghệ số trong quản lý môi trường và đo đạc phát thải:

- Khai thác dữ liệu quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục thông qua kết nối, chia sẻ với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường của thành phố, không phát sinh thêm nghĩa vụ truyền dữ liệu đối với doanh nghiệp; doanh nghiệp tham gia chính sách tự nguyện cung cấp dữ liệu tiêu thụ năng lượng;

- Dữ liệu tiêu thụ điện, nhiên liệu được sử dụng để hỗ trợ doanh nghiệp tính toán phát thải khí nhà kính trực tiếp (phạm vi 1) và phát thải gián tiếp từ tiêu thụ năng lượng (phạm vi 2) theo phương pháp quy định của pháp luật Việt Nam về kiểm kê khí nhà kính, có tham chiếu tiêu chuẩn ISO 14064-1, làm cơ sở chuẩn bị số liệu đáp ứng yêu cầu của Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon của Liên minh châu Âu (CBAM);

- Dữ liệu của hệ thống được sử dụng để hỗ trợ kiểm tra, đối chiếu, giám sát việc thực hiện chính sách, góp phần phòng ngừa trục lợi chính sách; không thay thế việc thẩm định, nghiệm thu theo quy định.

b) Xây dựng nền tảng thông tin kết nối phụ phẩm, nguyên vật liệu tái chế:

Xây dựng nền tảng thông tin do cơ quan nhà nước của thành phố xây dựng, vận hành, cung cấp miễn phí cho tổ chức, doanh nghiệp, nhằm kết nối cung - cầu phụ phẩm, chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (xỉ lò cao, thạch cao nhân tạo, dung môi, nhiệt dư) giữa các doanh nghiệp trong các KCN; việc chuyển giao, tiếp nhận thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát:

Dự thảo Nghị quyết xác định 02 mô hình được xem xét thử nghiệm: cung cấp nước thải sau xử lý để tái sử dụng qua mạng lưới nội bộ KCN; chia sẻ, mua bán điện từ nguồn tự sản xuất, tự tiêu thụ giữa các doanh nghiệp trong cùng KCN. Các mô hình cần được đánh giá về tính khả thi, yêu cầu an toàn, bảo vệ môi trường và sự phù hợp với pháp luật chuyên ngành.

Đối với đề xuất áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15, phải xác định rõ công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới; đối tượng, địa điểm, phạm vi, thời hạn thử nghiệm và biện pháp kiểm soát rủi ro. Từng đề xuất được lập hồ sơ để xem xét, quyết định theo đúng thẩm quyền, điều kiện và trình tự áp dụng.

Trường hợp đề xuất miễn áp dụng một số quy định pháp luật, phải xác định cụ thể quy định cần miễn áp dụng và trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét đối với từng dự án thử nghiệm theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố.

d) Nguồn lực đầu tư công nghệ số:

Kinh phí xây dựng, phát triển hạ tầng và dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý, theo dõi, giám sát quá trình chuyển đổi khu công nghiệp sinh thái được xác định theo các nhiệm vụ và dự toán chi tiết tại Phụ lục 3 Đề án. Việc bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định có liên quan; bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách thành phố và tiến độ triển khai thực tế..

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Nghị quyết không có quy định phân biệt đối xử về giới; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới được xem xét theo Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11:

- Hiện nay, lao động nữ chiếm tỷ lệ trên 60% trong các ngành sản xuất dệt may, da giày, linh kiện điện tử tại 50 KCN Hải Phòng. Việc chuyển đổi sang mô hình KCN sinh thái góp phần cải thiện điều kiện vi khí hậu nhà xưởng, giảm nồng độ bụi và khí độc, giảm nguy cơ mắc các bệnh nghề nghiệp cho người lao động, trong đó có lao động nữ;

- Hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, đào tạo (điểm d khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị quyết) được tổ chức bảo đảm cơ hội tham gia bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ; dự thảo không làm phát sinh tác động bất lợi về giới.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Nghị quyết áp dụng thống nhất, bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế, doanh nghiệp và người lao động thuộc tất cả các dân tộc sinh sống, làm việc trong các KCN trên địa bàn thành phố, tuân thủ nghiêm túc chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Dự thảo Nghị quyết cơ bản bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật; không trực tiếp quy định thủ tục hành chính, giao Ủy ban nhân dân thành phố quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ; không phân quyền, phân cấp mới; ứng dụng công nghệ số trong theo dõi, giám sát thực hiện chính sách. Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng kính đề nghị Sở Tư pháp thẩm định và báo cáo UBND thành phố xem xét, trình HĐND thành phố thông qua./.

Nơi nhận:
- VP UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- TB, PTB Dương Văn Xuyên;
- Lưu: VT, TNMT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Dương Văn Xuyên